UBND TỈNH CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày 27 tháng 6 năm 2018

ĐIỂM THI

Lớp: Bồi dưỡng ngạch chuyên viên khóa 78 (Bảo Lạc)

Môn: Phần I. Kiến thức chung

Giảng viên chấm: Nhâm Thế Sằn, Bế Thị Hương, Hoàng Ngọc Mai, Lê Thị Thư

Ngày thi: 30/5/2018

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Đặng Văn Ấy	7.50	Bảy phẩy năm	41	Triệu Lao Lủ	7.75	Bảy phẩy bảy năm
2	Toán Văn Bằng	7.50	Bảy phẩy năm	42	Hoàng Thị Lụa	8.50	Tám phẩy năm
3	Phan Thị Thúy Bình	8.50	Tám phẩy năm	43	Hứa Văn Luân	7.25	Bảy phẩy hai năm
4	Tô Đức Bình	8.00	Tám	44	Tô Thị Mai	8.00	Tám
5	Bế Văn Cừ	8.50	Tám phẩy năm	45	Đoàn Thị Mùi	8.50	Tám phẩy năm
6	Vi Xuân Chiều	8.00	Tám	46	Đoàn Thị Mỵ	8.25	Tám phẩy hai năm
7	Đàm Văn Chuẩn	7.50	Bảy phẩy năm	47	Nguyễn Thị Nương	7.75	Bảy phẩy bảy năm
8	Tô Thị Dung	8.25	Tám phẩy hai năm	48	Ma Thị Nga	7.25	Bảy phẩy hai năm
9	Nguyễn Ngọc Quang Dũng	8.25	Tám phẩy hai năm	49	Sinh Thị Nga	7.75	Bảy phẩy bảy năm
10	Nguyễn Văn Dũng	8.00	Tám	50	Tô Thị Thùy Ngân	7.75	Bảy phẩy bảy năm
11	Mã Văn Duy	7.25	Bảy phẩy hai năm	51	Nông Minh Ngọc	8.00	Tám
12	Phạm Bá Duy	7.75	Bảy phẩy bảy năm	52	Nông Văn Ngọc	8.50	Tám phẩy năm
13	Lãnh Ngọc Dưỡng	7.25	Bảy phẩy hai năm	53	Anh Thị Nguyệt	7.75	Bảy phẩy bảy năm
14	Tô Thị Đào	8.25	Tám phẩy hai năm	54	Đàm Thị Minh Nguyệt	8.25	Tám phẩy hai năm
15	Nguyễn Duy Đạo	8.00	Tám	55	Ma Thị Nguyệt	8.50	Tám phẩy năm
16	Hoàng Quốc Đạt	7.25	Bảy phẩy hai năm	56	Hoàng Hồng Nhung	8.50	Tám phẩy năm
17	Triệu Thị Đẹp	8.50	Tám phẩy năm	57	Nội Thu Oanh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
18	Lê Thanh Điệp	8.50	Tám phẩy năm	58	Nông Kim Oanh	7.00	Bảy
19	Hà Thị Thanh Hải	8.00	Tám	59	Nông Thị Hồng Oanh	7.50	Bảy phẩy năm
20	Hoàng Văn Hàm	7.50	Bảy phẩy năm	60	Nông Hữu Phước	7.75	Bảy phẩy bảy năm
21	Lý Thị Hạnh	8.00	Tám	61	Nguyễn Trương Phương	7.50	Bảy phẩy năm
22	Công Thị Hằng	8.00	Tám	62	Tô Tiến Sơn	7.00	Bảy
23	Hoàng Văn Hiệp	8.00	Tám	63	Mông Thành Tâm	8.00	Tám
24	Nội Thị Hiếu	8.00	Tám	64	Ma Thị Tiếp	8.00	Tám

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
25	Ma Thị Hoài	8.00	Tám	65	Nông Thị Tuế	8.00	Tám
26	Thạch Thu Hoài	8.00	Tám	66	Lưu Văn Tuyến	7.25	Bảy phẩy hai năm
27	Mông Thị Hoan	7.25	Bảy phẩy hai năm	67	Nông Thị Tuyết	8.25	Tám phẩy hai năm
28	Trương Thị Hồng	7.50	Bảy phẩy năm	68	Tô Ánh Tuyết	8.50	Tám phẩy năm
29	Hoàng Thu Huệ	8.25	Tám phẩy hai năm	69	Nông Thị Tươi	7.75	Bảy phẩy bảy năm
30	Nguyễn Thị Huệ	7.75	Bảy phẩy bảy năm	70	Nguyễn Hữu Thái	7.25	Bảy phẩy hai năm
31	Lâm Quang Hùng	7.75	Bảy phẩy bảy năm	71	Lưu Tuyết Thanh	8.00	Tám
32	Nguyễn Văn Huy	8.00	Tám	72	Lê Phương Thảo	8.50	Tám phẩy năm
33	Tô Thị Hương	8.25	Tám phẩy hai năm	73	Lãnh Mậu Thật	7.00	Bảy
34	Lê Ngọc Kính	8.25	Tám phẩy hai năm	74	Hứa Xuân Thủy	7.75	Bảy phẩy bảy năm
35	Nông Văn Khánh	7.25	Bảy phẩy hai năm	75	Đặng Quỳnh Thư	8.25	Tám phẩy hai năm
36	Nông Quốc Khiêm	7.25	Bảy phẩy hai năm	76	Hoàng Thị Thu Tràng	8.50	Tám phẩy năm
37	Quan Hồng Lam	8.00	Tám	77	Trần Đình Trọng	7.75	Bảy phẩy bảy năm
38	Nguyễn Thị Lan	8.00	Tám	78	Hoàng Thị Xuyến	8.00	Tám
39	Mông Thị Lễ	7.25	Bảy phẩy hai năm	79	Hoàng Văn Yếm	7.75	Bảy phẩy bảy năm
40	Tô Thị Lệ	8.00	Tám	80	Nguyễn Hải Yến	8.50	Tám phẩy năm

Điểm 7,00: 03 điểm; Điểm 7,25: 11 điểm; Điểm 7,50: 07 điểm; Điểm 7,75: 14 điểm; Điểm 8,00: 22 điểm; Điểm 8,25: 10 điểm; Điểm 8,50: 13 điểm./.

GHI ĐIỂM

Bế Thị Hương

PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Việt Hưng

PHÊ DUYỆT BGH
KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIỐNG

Tô Vũ Ninh